

Tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập



Nội dung

- Mỗi quan hệ tăng trưởng và nghèo phụ thuộc xu hướng bất bình đẳng.
 - Càng bất bình đẳng, tăng trưởng càng ít tác động lên giảm nghèo.
- Chúng ta sẽ tìm hiểu:
 1. Bất bình đẳng là gì?
 2. Đo lường bất bình đẳng như thế nào?
 3. Xu hướng bất bình đẳng sẽ như thế nào khi thu nhập tăng lên?

Bạn thấy gì từ vấn đề bất bình đẳng trong số liệu giả định sau?

Tăng trưởng, thu nhập và giảm nghèo

	1960	1975	1990	Ghi chú
Chỉ số GDP	100	317	1006	$g = 8\%$ năm
20% nghèo nhất	2	6,3	20,1	không phân phối lại
Chỉ số GDP	100	135	182	$g = 2\%$ năm
20% nghèo nhất	8	10,8	14,5	không phân phối lại

Bất bình đẳng là gì?

- Nghèo/bần cùng liên quan *thu nhập* và *của cải* có nguồn gốc
 - Thất nghiệp, khiếm dụng, lương thấp
 - Thất bại của chính sách an sinh xã hội
- Nước đang phát triển và nghèo (và người nghèo)
 - Cả thu nhập từ tiền lương và ngoài lương đều thấp
 - Của cải chủ yếu từ đất và tài nguyên, trong khi của cải từ tài sản vật chất và nguồn thu từ tài sản tài chính thấp
- *Bất bình đẳng cơ hội* (giáo dục, y tế) làm giảm cơ hội việc làm (bất bình đẳng thu nhập/của cải) tạo ra *vòng lẩn quẩn*

Bất bình đẳng – Đo lường

- Bất bình đẳng: *Thu nhập* [đo lường phổ biến]
 - Phân phối giữa hộ gia đình/cá nhân trong một nước.
- Nước phát triển:
 - Hệ thống lương và thuế cung cấp thông tin thu nhập.
 - Nhà đầu tư báo cáo lợi nhuận và lợi tức vốn tính thuế.
- Nước nghèo/đang phát triển: *Khó đo thu nhập*
 - Hầu hết dân *nước nghèo* không đóng thuế thu nhập (không được thu, k/v phi chính thức).
 - Nhiều dân *nước đang phát triển* tự làm cho mình (trồng trọt, buôn bán nhỏ): khó thu thập thông tin tin cậy.
 - *Thu nhập biến động* trong năm (mùa vụ, thương mại).

Vấn đề phát sinh khi đo lường cả thu nhập và chi tiêu

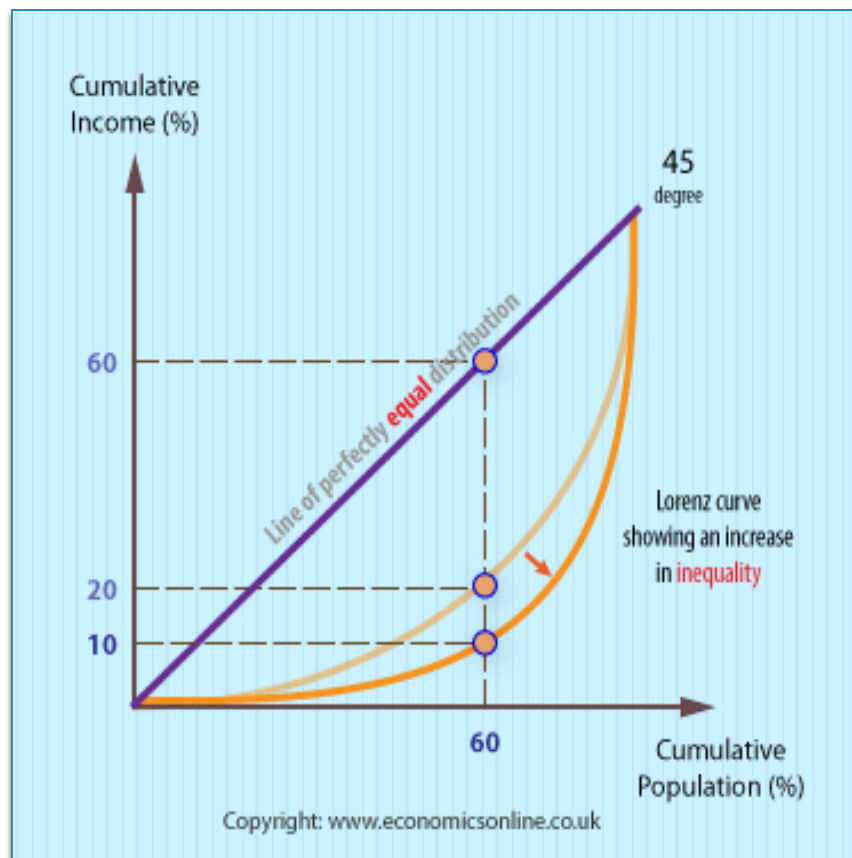
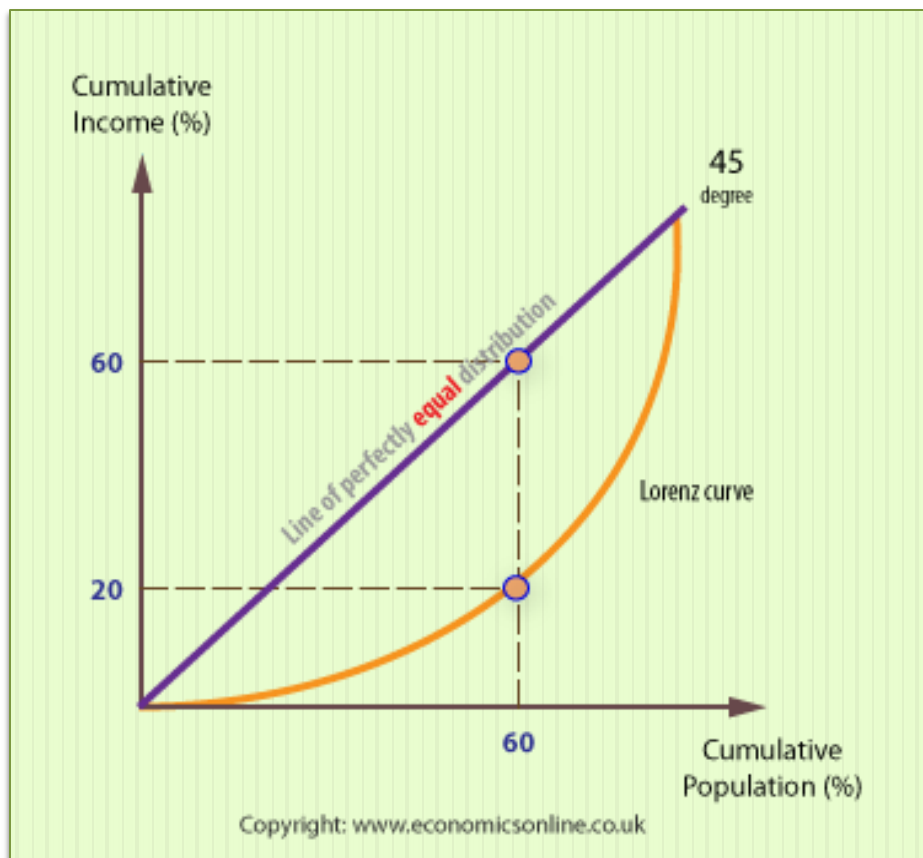
- Đo bất bình đẳng trên tiêu dùng/chi tiêu? Vẫn phức tạp:
 - Nhiều loại hàng hóa người giàu tiêu dùng (nghỉ mát nước ngoài, giáo dục và chăm sóc y tế tư nhân) không có ở khảo sát tiêu dùng.
 - Người dân không nhớ chính xác đã mua gì.
- Cả khảo sát thu nhập và chi tiêu không tính đủ người lưu động:
 - Di cư nông thôn - thành thị,
 - Lao động chuyển từ nông nghiệp sang xây dựng.

Đường cong Lorenz và hệ số Gini

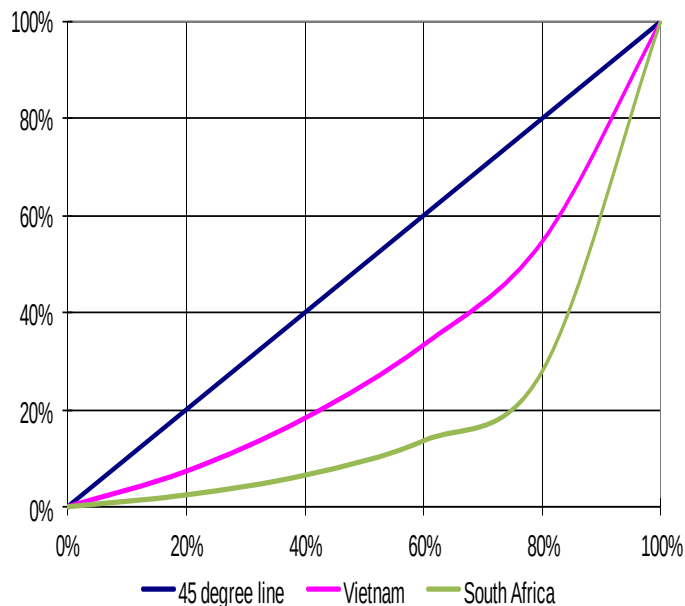
- Phân phối tần suất cho biết phần trăm dân số ở mỗi mức thu nhập hay tiêu dùng.
- Đường cong Lorenz.
- Hệ số Gini
 - $Gini = 0$ là hoàn toàn bình đẳng
 - $Gini = 1$ là hoàn toàn bất bình đẳng



Đường cong Lorenz



Tích lũy thu nhập và đường Lorenz



	Đáy 20%	Đáy 40%	Đáy 60%	Đáy 80%	100%
Việt Nam (2008)	7.33	18.25	33.32	54.57	100
Trung Quốc (2005)	5.73	15.53	30.19	52.19	100
Nam Phi (2006)	2.45	6.51	13.59	27.49	100

Source: General Statistic Office

Tính hệ số Gini (Gini Concentration Ratio)

X	Y	X. ₁	Y. ₁	X.Y. ₁	Y.X. ₁	(Y.X. ₁ -X.Y. ₁)
20	3					
40	11	20	3	120	220	100
60	23	40	11	660	920	260
80	40	60	23	1840	2400	560
100	100	80	40	4000	8000	4000
Tổng cộng: 4920						

Hệ số Gini = (B)/(A+B)

- Tính từ đường Lorenz
- Giá trị: từ 0 đến 1
- 0 là hoàn toàn bình đẳng
- Tình trạng bất bình đẳng:

0,3-0,4: *Thấp*

0,4-0,5: *Vừa*

>0,5: *Cao*

Hệ số Gini = $1/2 * (4920)/5000 = 0,492$

Trong đó:

X: Phần trăm dân số cộng dồn

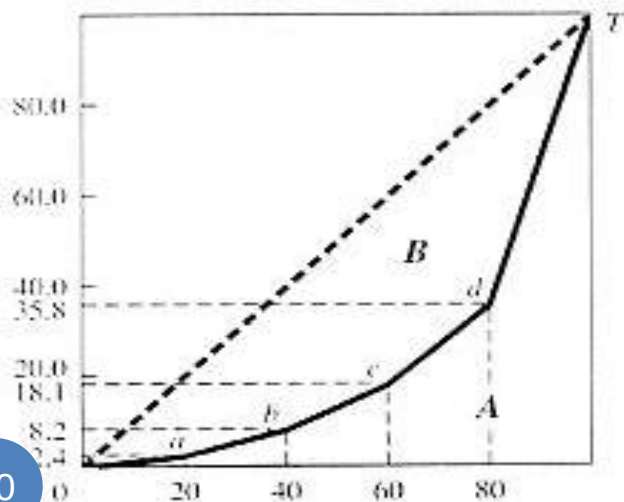
Y: Phần trăm thu nhập cộng dồn

3/5/2014

Hệ số Gini

- Hệ số Gini cho thấy bất bình đẳng rất khác nhau = $[B/(A+B)]$
- Bất bình đẳng cao ở Mỹ Latinh (chiếm hữu đất ở Brazil).
- Trung Quốc từ bình đẳng nhất châu Á thành bất bình đẳng nhất (tiếp cận việc làm, phát triển vùng, nông thôn-thành thị).

Quốc gia	Năm	Gini
<i>Nam Phi</i>	2006	67
<i>Trung Quốc</i>	2005	42
<i>Ấn Độ</i>	2005	37
<i>In-đô-nê-xia</i>	2009	37
<i>Ma-lay-xia</i>	2009	46
<i>Phi-líp-pin</i>	2006	44
<i>Thái Lan</i>	2004	43
<i>Việt Nam</i>	2008	38



Cẩn trọng khi so sánh bất bình đẳng giữa các nước

- Đo theo thu nhập và chi tiêu.
- Chuyển Gini tiêu dùng thành Gini thu nhập (cộng tỷ lệ cố định) - không khoa học và không thể so sánh.
- Khảo sát cá nhân và khảo sát hộ gia đình.
- Khảo sát sử dụng mẫu lớn – mẫu nhỏ.
- Chỉ tập trung khu vực thành thị so mẫu cả vùng nông thôn lẫn thành thị.
- Khung lấy mẫu lỗi thời, không xét đến tính mùa vụ, tỷ lệ không phản hồi từ hộ rất nghèo/rất giàu, không xét nhóm lưu chuyển.

Viện Nghiên cứu Kinh tế học Phát triển Thế giới (WIDER), cơ quan nghiên cứu của UN đã thực hiện công việc đáng giá khi tổng hợp dữ liệu về bất bình đẳng.

Font size up | Font size down | Text version | Sitemap | Print | Send this page

Enter search term



Home | About us | Events | **Research** | Publications

Media | Opportunities | FAQ

You are here: Research / Database (WIID)

Research

Current programme

Projects by start date +

Past projects by theme +

Database (WIID) -

- Download
- WIID Documentation
- Income distribution links
- Frequently asked questions

Software tools

Library +

World Income Inequality Database V2.0c May 2008

The UNU-WIDER World Income Inequality Database (WIID) collects and stores information on income inequality for developed, developing, and transition countries. The database and its documentation are available on this website.

WIID2 consists of a checked and corrected WIID1, a new update of the Deininger & Squire database from the World Bank, new estimates from the Luxembourg Income Study and Transmonee, and other new sources as they have become available. WIID2a contains fewer points of data than WIID1 as some overlaps between the old Deininger & Squire data and estimates included by WIDER have been eliminated along with some low quality estimates adding no information. In addition to the Gini coefficient and quintile and decile shares, survey means and medians along with the income shares of the richest 5% and the poorest 5% have been included in the update. In addition to the Gini coefficient reported by the source, a Gini coefficient calculated using a new method developed by Tony Shorrocks and Guang Hua Wan is reported. The method estimates the Gini coefficient from decile data almost as accurately as if unit record data

Bất bình đẳng với tăng trưởng và phát triển

- Trục trặc đo lường không cản trở các nhà kinh tế nghiên cứu mối quan hệ
 - Bất bình đẳng và mức thu nhập.
 - Bất bình đẳng và tăng trưởng.
- Quan điểm phổ biến
 - *Các nước trở nên bất bình đẳng hơn khi giàu có hơn, đặc biệt giai đoạn đầu phát triển.*
 - Thực chất quan điểm này là gì?

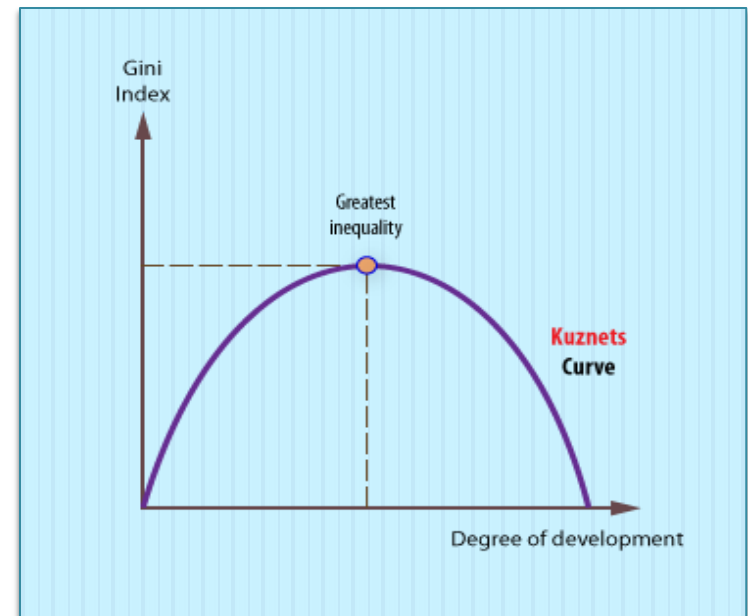
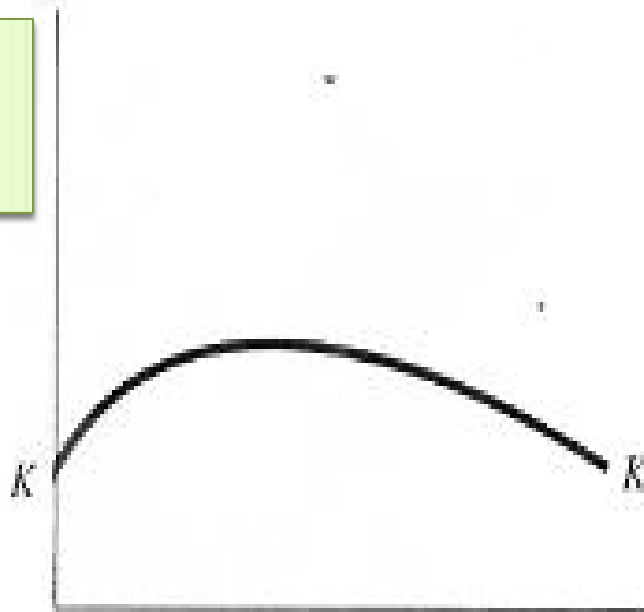
Bất bình đẳng với phát triển



Simon Kuznets

- Nghiên cứu tiên phong bất bình đẳng và phát triển.
- Mỗi quan hệ này thể hiện ở các lực đối nghịch nhau: một số dẫn đến bất bình đẳng nhiều hơn và số khác làm giảm bất bình đẳng.

**Hệ số Gini
(hay tỷ phần thu
nhập nhóm đầu)**



**Thu nhập bình quân
đầu người**

Simon Kuznets – Các lực đối nghịch

Lực gây bất bình đẳng nhiều hơn:

- Tập trung tiết kiệm ở nhóm thu nhập cao hơn;
- Tập trung tài sản tạo thu nhập ở nhóm cao nhất;
- Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp gia tăng; và khác biệt thu nhập bình quân công nghiệp và nông nghiệp;
- Giai đoạn đầu CNH, dân di cư làm việc trong công nghiệp với lương thấp, và nhà đầu tư được nhiều lợi nhuận. Họ tiết kiệm và tái đầu tư, tăng của cải;
- Không có các tổ chức tái phân phối trước giai đoạn công nghiệp;
- Tỷ lệ tử vong giảm, nhưng mức sinh sản vẫn cao;
- Người lao động mất đi sức mạnh đàm phán.

Lực cải thiện bất bình đẳng:

- Tổ chức công đoàn;
- Thuế thừa kế và thuế thu nhập lũy tiến;
- Sự xuất hiện của các ngành công nghiệp mới;
- Nghề nghiệp và dịch vụ mới;
- Lạm phát (giảm giá trị của tiết kiệm).

Đường Kuznets

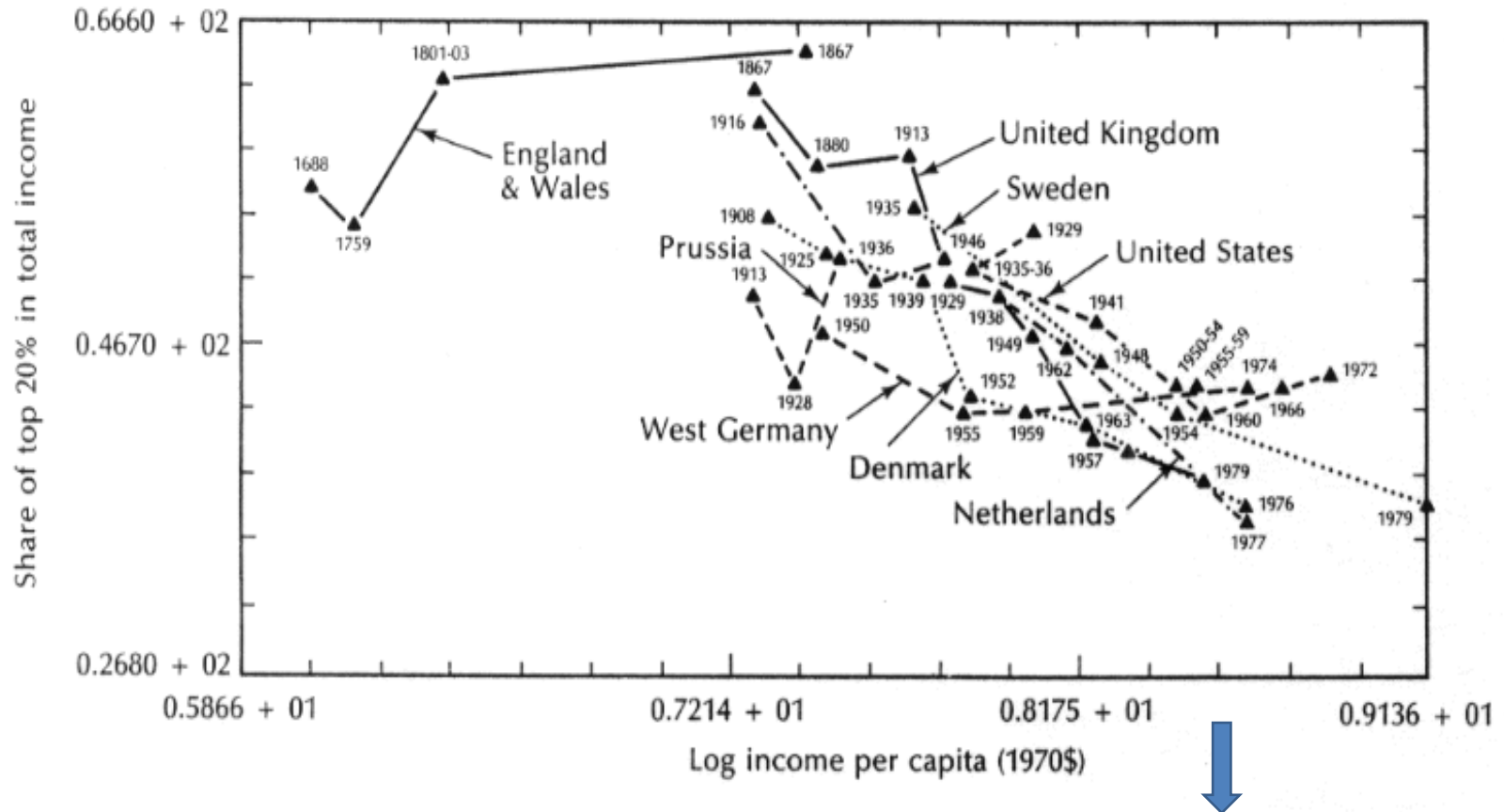


Figure 1.3 The Kuznets Curve: mostly the twentieth-century downswing.
Source: Lindert and Williamson (1985, Figure 2, p. 345)

Simon Kuznets - Đường Kuznets

- Theo Kuznets:
 - Phân phối thu nhập sẽ xấu đi giai đoạn CNH và cải thiện khi các nước trở nên giàu hơn.
 - Ngược không là mối quan hệ khả dĩ duy nhất mà chỉ là xu hướng.
 - Không lập luận chọn bất bình đẳng cao hơn ở giai đoạn phát triển ban đầu để thúc đẩy tăng trưởng.
 - Quan tâm đến đầu tư quá mức vào tài sản không sinh lợi (bất động sản) và hàm ý chính trị của gia tăng bất bình đẳng.

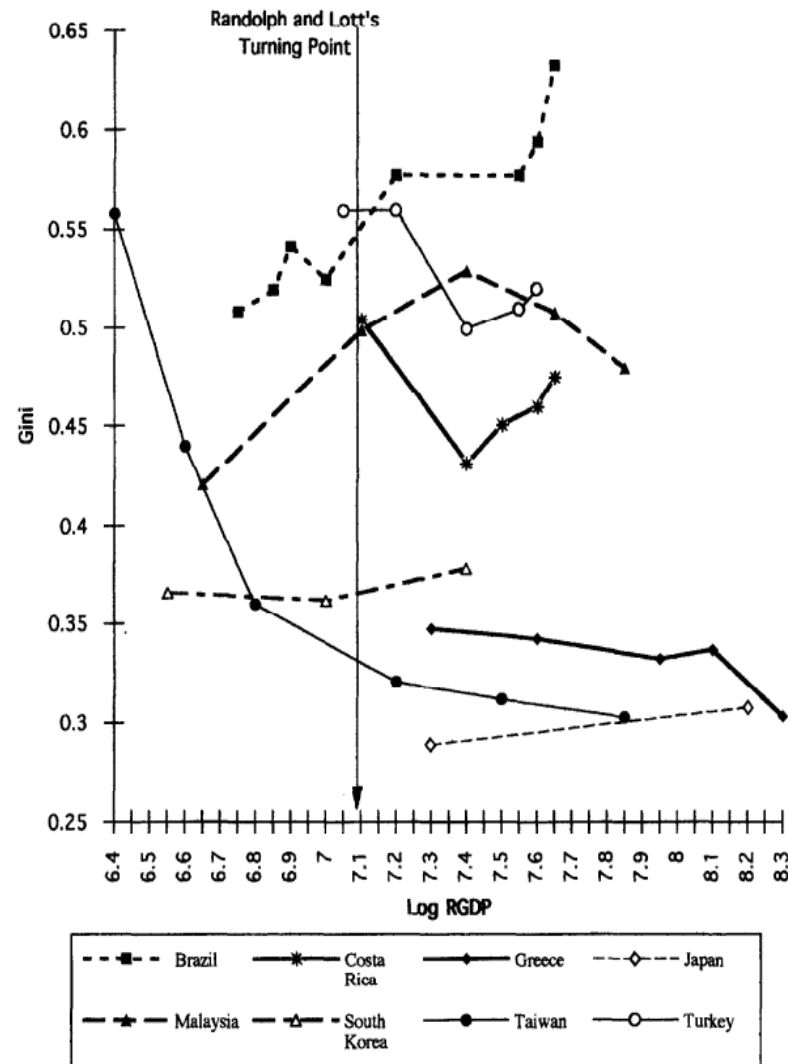
Montek Ahluwalia (1976)

- Nghiên cứu thực nghiệm về mức thu nhập và bất bình đẳng - dữ liệu chéo 60 quốc gia phát triển và đang phát triển.
- Tìm được cơ sở ủng hộ đường Kuznet
- Tăng trưởng là sản phẩm của những chuyển dịch liên ngành trong sản xuất, sự phát triển giáo dục và tốc độ tăng dân số chậm đi.
- Bác bỏ định đề không liên quan lý thuyết của Kuznet: “Tăng trưởng nhanh hơn sẽ đi kèm với bất bình đẳng cao hơn”. Kuznet không quan tâm quan hệ này mà về quan hệ giữa bất bình đẳng và *mức phát triển*.

Bowman (1997)

- Nghiên cứu tình huống quốc gia theo chuỗi thời gian - 9 quốc gia nghèo ở 1950 sau đó đạt thu nhập trung bình vào 1980.
- Brazil bắt bình đẳng tăng, Costa Rica theo chữ U, Nhật bắt bình đẳng thấp sau chiến tranh, Malaysia có chữ U ngược nhờ Chính sách Kinh tế mới 1970s. Đài Loan bắt bình đẳng thấp.
- Theo Bowman:
 - Ý tưởng Kuznets về “điểm ngoặt” không phù hợp vì khác biệt lớn giữa các nước.
 - Không áp dụng được mô thức khái quát nào cho mối quan hệ giữa mức phát triển và bất bình đẳng. Bối cảnh kinh tế, thể chế và chính trị ở mỗi nước sẽ tác động lên kết quả..

Bowman 1997: Thiên lệch trong chọn lọc



Bảng 1. Điểm ngoặt và RGDP cho các trường hợp nghiên cứu then chốt vào năm 1950, 1980

Đơn vị tính: USD

Quốc gia	RGDP năm 1950*	Điểm ngoặt**	RGDP năm 1980*
Brazil	637	1200	2.152
Costa Rica	819	1200	2.170
Hì Lạp	905	1200	3.946
Nhật Bản	810	1200	5.996
Malaysia	784***	1200	2.204
Bồ Đào Nha	733	1200	3.092
Hàn Quốc	558***	1200	2.007
Đài Loan	508	1200	2.522
Thổ Nhĩ Kỳ	701	1200	2.069

* GDP thực đầu người theo Summers và Heston theo USD năm 1975.

** Theo tính toán của Randolph và Lott, điểm ngoặt là mức GDP đầu người mà sau mức này, tăng trưởng GNP thêm nữa sẽ dẫn đến giảm hệ số Gini.

*** Năm 1953 là thời điểm bắt đầu cho Hàn Quốc và năm 1955 là thời điểm bắt đầu cho Malaysia trong số liệu RGDP của Summers và Heston.

Bảng 2. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Brazil

RGDP* (USD)	864	997	974	1.084	1.225	1.902	2.053	2.143*
Gini**	0,5086	0,5413	0,5193	0,5245	0,5776	0,5774	0,5944	0,6331
Năm	1959	1962	1965	1968	1971	1976	1979	1989

* RGDP là thu nhập thực đầu người tính theo USD năm 1975 từ nghiên cứu của Summers và Heston (1984). Năm cuối cùng có số liệu là năm 1980. Với năm 1989, số liệu tăng trưởng kinh tế ECLAC 1980-89 từ *Statistical Abstract of Latin America (Tóm tắt thống kê châu Mỹ Latin)*, tập 30, trang 1244-1247 được áp dụng cho RGDP năm 1980 từ Summer và Heston.

** Nguồn: Hewlett (1982), trang 320; Psacharopoulos và những người khác (1993), trang A3.7–A3.8; Taylor và những người khác (1980), trang 212.

Bảng 3. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Costa Rica

RGDP* (USD)	1.180	1.601	1.845	2.039	2.056
Gini**	0,504	0,432	0,451	0,4604	0,4754
Tỷ phần thu nhập của 20% dân số giàu nhất	60%	50,6%	51,8%	50,8%	51,4%
Năm	1961	1971	1983	1989	1981

* RGDP là thu nhập thực đầu người tính theo USD năm 1975 từ nghiên cứu của Summers và Heston. Năm cuối cùng có số liệu là năm 1980. Với năm 1981, 1983, và 1989, số liệu tăng trưởng kinh tế từ *Statistical Abstract of Latin America (Tóm tắt thống kê châu Mỹ Latin)*, tập 30, trang 1244-1247 được áp dụng cho RGDP năm 1980 từ Summer và Heston.

** Nguồn: Gonzales-Vega (1993), trang 46; Psacharopoulos và những người khác (1993), trang A315–A316.

Bảng 4. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Hi Lạp

RGDP* (USD)	1.496	2.024	2.814	3.224	3.946*
Gini**	0,3475	0,3425	0,3325	0,3372	0,3034
Năm	1961	1966	1971	1974	1982

* Summers và Heston (1984). 3.946 USD là RGDP của năm 1980.

** Nguồn: Germidis và Negreponi Delivanis (1975, trang 170 cho các năm 1961, 1966, và 1971. Nguồn này cho hệ số Gini ròng và hệ số Gini gộp, sau đó được lấy giá trị bình quân ở đây, và cả hai hệ số Gini này đều giảm không đến 2% trong giai đoạn 1961-71; và Tsaklogou (1993), trang 64.

Bảng 5. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Nhật Bản

RGDP* (USD)	1.484	3.672,5	5.829
Gini (WADA)**	0,3032	0,3188	
Gini (NFIE)	0,2747	0,2972	
Gini (WB)			0,277
Năm	1959	1968-69*	1979

* Summers và Heston (1984); RGDP năm 1968-69 là giá trị bình quân.

** Nguồn: NFIE từ Grootaert (1983), trang 34. Điều tra quốc gia về thu nhập và chi tiêu gia đình (National Survey of Family Income and Expenditures, NFIE) ước lượng tình trạng bất bình đẳng hơi thấp hơn thực tế vì cuộc điều tra này chỉ khảo sát thời kỳ từ tháng 9 đến tháng 11 khi các khoản thanh toán tiền thưởng theo mùa không được bao gồm. Vì thế, số liệu NFIE và WADA không nhất quán với nhau. WADA từ Grootaert (1983), trang 34. WB từ Berry và những người khác (1991), trang 62.

Bảng 6. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Malaysia

RGDP* (USD)	787,5	1.242	1.638	1.856	2.584**
Gini***	0,421	0,499	0,529	0,508	0,480
Năm	1957-58	1970	1976	1979	1984

* Summers và Heston (1984). RGDP năm 1957-58 là giá trị bình quân.

** Ước lượng từ RGDP năm 1980 theo Summers và Heston và tăng trưởng 1980-84 từ nghiên cứu của Bruton (1992), trang 388.

*** Nguồn: Bruton (1992), trang 270.

Bảng 7. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Hàn Quốc

RGDP* (USD)	698	1.112	1.648
Gini	0,366	0,362	0,378
Năm	1964	1970	1976

* Summers và Heston (1984).

Bảng 8. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Đài Loan

RGDP* (USD)	607	719	893	1.298	1.755	2.522
Gini*	0,558	0,440	0,360	0,321	0,312	0,303
Năm	1953	1959-60	1964	1970	1975	1980

* Summers và Heston (1984).

** Nguồn: Kuo (1989), trang 241.

Bảng 9. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Thổ Nhĩ Kỳ

RGDP* (USD)	1.152	1.342	1.586	1.893	1.940**
Gini***	0,56	0,56	0,50	0,51	0,52
Năm	1963	1968	1973	1978	1983

* Summers và Heston (1984).

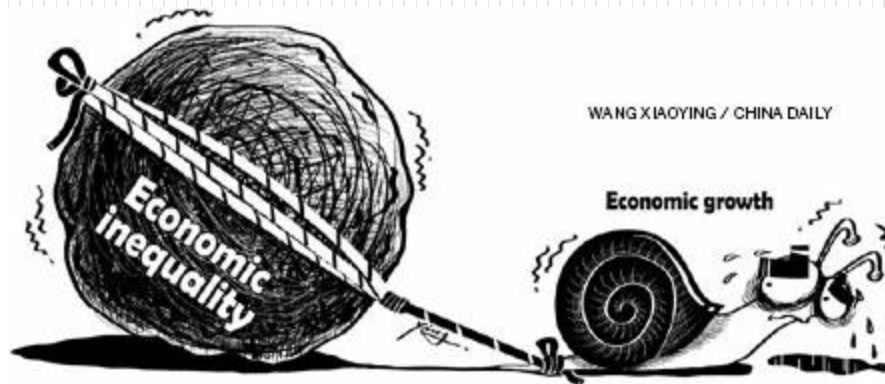
** Ước lượng.

*** Nguồn: Hansen (1991), trang 276.

Cơ cấu giai cấp thay đổi, nền chính trị đầu sỏ kết thúc

		Thấp	Trung bình	Cao
<i>Hệ số Gini 1980</i>	Cao	Brazil		
	Trung bình	Thổ Nhĩ Kỳ	Costa Rica Malaysia	
	Thấp			Hì Lạp Nhật Bản Hàn Quốc Đài Loan

Bất bình đẳng và tăng trưởng



Bất bình đẳng và tăng trưởng

- 1950s và 60s, *bất bình đẳng nhiều hơn tốt cho tăng trưởng* vì tạo vốn cho đầu tư.
- 1970s và 80s, *từ bỏ “bất bình đẳng tốt cho tăng trưởng”*.
 - *Nancy Birdsall, David Ross và Richard Sabot (1995)*: chính sách Đông Á tốt cho tăng trưởng cũng giúp giảm bất bình đẳng (giáo dục, xuất khẩu hàng công nghiệp thâm dụng lao động, cải cách đất đai, đầu tư nông thôn).

Bất bình đẳng và tăng trưởng

- 1990s: **Bất bình đẳng không tốt cho tăng trưởng**
 - *Alberto Alesina và Dani Rodrik (1994):*
 - bất bình đẳng tạo áp lực thuế cao hơn, dẫn đến các chính sách làm chậm tăng trưởng.
 - thu nhập phân phối đồng đều hơn sẽ có nhiều người ủng hộ thuế thấp.
 - *Torsten Persson và Guido Tabellini (1994):*
 - giai cấp trung lưu quy mô lớn hơn sẽ có lợi cho tăng trưởng.
- *Szekeley và Hilgert (2000): Trục trặc số liệu là vấn đề*
 - kết quả này phụ thuộc rất nhiều vào số liệu bất bình đẳng có chất lượng kém.
 - nếu dữ liệu được điều chỉnh để tính đến các mức độ bao quát khác nhau, thì mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng biến mất.

Bằng chứng thực nghiệm không thể kết luận

- Những nghiên cứu có tính hệ thống đầu tiên về tác động của BBĐ đối với phát triển dựa vào ước lượng OLS về dữ liệu chéo của nhiều quốc gia qua vài thập niên (từ 1960 đến 1980s), **BBĐ nhất quán với sụt giảm tăng trưởng**—với sự gia tăng BBĐ thêm 1 độ lệch chuẩn làm giảm tỷ lệ tăng trưởng thu nhập đầu người hằng năm từ 0,4 đến 0,8 điểm phần trăm (Alesina và Rodrik 1994; Persson và Tabellini 1994; Alesina và Perotti 1996; Perotti 1996; Deininger và Squire 1998).

Bằng chứng thực nghiệm không thể kết luận

- Sau khi hiệu chỉnh sự thiên lệch của biến bị bỏ sót (như hệ thống luật pháp và thể chế, văn hóa...), Li và Zou (1998) và Forbes (2000) phát hiện **BBĐ cao hơn làm gia tăng tăng trưởng**. Theo Li và Zou, tăng hệ số Gini thêm 1 độ lệch chuẩn làm tăng tỷ lệ tăng trưởng hằng năm khoảng $\frac{1}{2}$ điểm phần trăm. (Forbes, 1,3 điểm phần trăm).
- Barro (2000): Tác động của BBĐ ban đầu đến tăng trưởng thì không quan trọng đứng ở quan điểm thống kê. Sau khi phân chia mẫu theo nước giàu và nghèo, Barro phát hiện hệ số BBĐ có ý nghĩa thống kê: **xu hướng nghịch biến ở nước nghèo, và đồng biến ở nước giàu**.

Bằng chứng thực nghiệm không thể kết luận

- Banerjee và Duflo (2003): gia tăng BBĐ làm giảm tăng trưởng nhưng giảm BBĐ cũng giảm tăng trưởng.
- Voitchovsky (2005): ước tính tác động riêng biệt của BBĐ đến thu nhập của nhóm đầu và cuối của phân phối thu nhập đối với tăng trưởng. Mức độ BBĐ càng cao của nhóm đầu của phân phối có tương quan đồng biến với tăng trưởng. Ngược lại, BBĐ càng cao ở nhóm nửa cuối của phân phối tạo ra tăng trưởng thấp hơn.
- Easterly (2007): BBĐ có tác động bất lợi đối với tích lũy vốn nhân lực và phát triển kinh tế. BBĐ là rào cản học hành và thịnh vượng kinh tế.

Không có mối quan hệ ổn định giữa bất bình đẳng và tăng trưởng

- Có thể không có quan hệ ổn định giữa bất bình đẳng và tăng trưởng.
 - Mỗi nước đều có điều kiện chính trị, lịch sử và thể chế riêng.
 - Phân tích hồi quy chéo không phản ánh thông tin này.
- Không có nghĩa bất bình đẳng là không quan trọng
 - Bất bình đẳng - một trong nhiều yếu tố tác động lên thành quả kinh tế.

Toàn cầu hóa và bất bình đẳng

- Thương mại nhiều hơn sẽ tăng bất bình đẳng ở nước giàu và giảm bất bình đẳng ở nước nghèo.
 - Thương mại giữa quốc gia khan hiếm lao động (công nghiệp hóa) và quốc gia dư thừa lao động (đang phát triển) sẽ làm giảm suất sinh lợi (tiền lương) đối với lao động không kỹ năng ở các nước khan hiếm lao động, và tăng tiền lương của lao động không kỹ năng ở nước thừa lao động.
- Thực tế, bất bình đẳng gia tăng ở cả nước giàu lẫn nghèo
 - Gia tăng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đồng thời với bất bình đẳng tăng mạnh cả hai nơi.

Toàn cầu hóa và bất bình đẳng

- Feenstra và Hanson (1996): thương mại và FDI đã tăng cầu lao động kỹ năng ở cả quốc gia phát triển lẫn đang phát triển.
- David Card, Thomas Lemieux and W. Craig Riddell (2003): ở các nước CNH, toàn cầu hóa đi kèm sự giảm sút số thành viên công đoàn và năng lực đàm phán tập thể. Xu hướng thuê ngoài đã chuyển việc làm ở nhà máy từ Hoa Kỳ sang nơi khác, và đây là những ngành có tỷ lệ công đoàn tan rã cao nhất.

Kết luận

- Bất bình đẳng không phải là hệ quả của tăng trưởng.
- Có nhiều yếu tố tác động lên mức độ bất bình đẳng ở một nước (chính trị, văn hóa, cơ cấu nền kinh tế).
- Không nhất thiết có sự đánh đổi giữa tăng trưởng nhanh hơn và duy trì một xã hội công bằng hơn.
- Không đúng khi cho rằng toàn cầu hóa, cạnh tranh và thương mại mặc nhiên tăng sự bình đẳng.
- Mức bình đẳng mong muốn là chọn lựa mà xã hội phải đưa ra thông qua hệ thống chính trị của mình.